

Hệ thống giáo dục

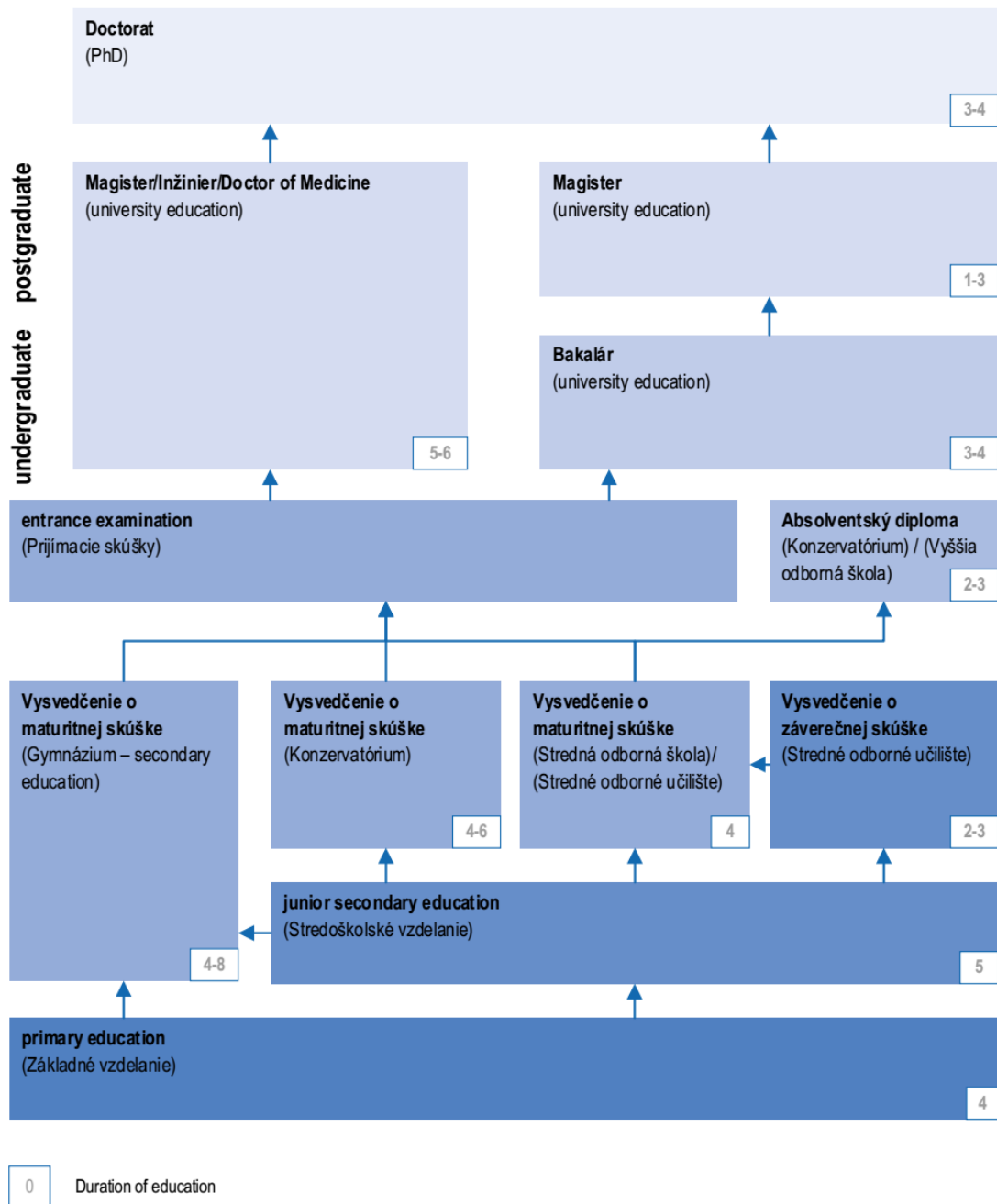
# Slovakia

Miêu tả và so sánh với hệ thống giáo dục Hà Lan



Ngoại trừ những hình ảnh và minh họa, ấn phẩm này phải tuân theo Giấy phép Ghi nhận bản quyền phi thương mại 3.0- Creative Commons Attribution Non-Commercial 3.0 Unported (CC BY-NC 3.0). Để biết thêm thông tin về việc tái sử dụng ấn phẩm này xin hãy truy cập website. <https://www.nuffic.nl/en/home/copyright>.

## ▪ Hệ thống giáo dục Slovakia



## ▪ Bảng đánh giá

Cột trái trong bảng dưới đây liệt kê những văn bằng nước ngoài phổ biến nhất có thể áp dụng để nhập học đại học. Những cột còn lại so sánh với Hà Lan, với mức tương ứng trong Khung Trình độ Hà Lan và châu Âu.

Degree or qualification	Dutch equivalent and NLQF level	EQF level
<i>Vysvedčenie o záverečnej skúške</i> obtained at a <i>Stredné odborné učilište</i>	MBO diploma, qualification level 1 or 2	1-2
<i>Vysvedčenie o maturitnej skúške</i> obtained at a <i>Stredná odborná škola</i>	HAVO diploma for the general education component	4
<i>Vysvedčenie o maturitnej skúške</i> obtained at a <i>Stredné odborné učilište</i>	HAVO diploma for the general education component	4
<i>Vysvedčenie o maturitnej skúške</i> obtained at a <i>Konzervatórium</i>	HAVO diploma for the general education component	4
<i>Vysvedčenie o maturitnej skúške</i> obtained at a <i>Gymnázium</i>	VWO diploma	4+
<i>Absolventský diplom</i> obtained at a <i>Vyššia odborná škola</i> or a <i>Konzervatórium</i> (2-3 years)	at most 2 years of HBO	5
<i>Diplom with Bakalár degree</i>	HBO or WO bachelor's degree	6
<i>Diplom with the degree of Magister/Inžinier</i>	HBO or WO master's degree	7

## ▪ Giới thiệu

Từ năm 1946 đến năm 1989, Cộng hòa Tiệp Khắc là một liên bang bao gồm Cộng hòa Séc và Slovak. Tiệp Khắc trở thành một quốc gia độc lập sau Cuộc Cách mạng Nhung năm 1989. Vào ngày 1 tháng 1 năm 1993, liên bang đã bị giải thể và cộng hòa Séc và Slovak đã bị chia rẽ. Slovakia là quốc gia theo thể chế dân chủ nghị viện với tổng thống là người đứng đầu nhà nước. Slovakia hiện đại có 8 vùng và trở thành một nước thành viên EU vào năm 2004.

Hệ thống giáo dục ở Cộng hòa Séc và Slovakia có nhiều điểm chung do sự thống nhất trước đây của hai quốc gia. Trường đại học lâu đời nhất của Slovakia là Học viện Istropolitana, được thành lập tại Bratislava vào năm 1456 bởi Matthias Corvinus, vua của Hungary. Năm 1919 *Univerzita Komenského v Bratislave* (Đại học Comenius) được thành lập tại Bratislava. Sự thành lập Đại học Comenius là một sự kiện đột phá mạnh mẽ ảnh hưởng đến sự phát triển văn hoá và xã hội của Slovakia.

Sau năm 1948, giáo dục đại học được tổ chức theo các nguyên tắc giáo dục 'thống nhất' dưới sự giám sát của nhà nước. Đạo luật về Giáo dục Đại học số 58/1950 trước đây đã dựa trên mô hình cộng sản về lập kế hoạch và kiểm soát các cơ sở giáo dục đại học. Mục đích của giáo dục đại học là đào tạo 'các chuyên gia trong lĩnh vực chính trị và chuyên môn' trung thành với chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay, có 20 trường đại học quốc gia và 6 trường đại học tư thục được công nhận với tổng cộng 42 khoa. Ngoài ra còn có 2 trường quân đội và 4 trường thần học.

Sau khi phê duyệt Đạo luật số 172/1990 của Bộ Luật về Giáo dục Đại học, hệ thống giáo dục đại học của Slovakia phát triển để phản ánh nền giáo dục đại học ở Châu Âu trong những lĩnh vực như tự do học thuật và đa dạng chương trình học tập

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2002, đạo luật mới về giáo dục, Luật số 131/2002 về Giáo dục Đại học đã có hiệu lực. Đạo luật này đặt nền móng cho các điều kiện xác định tình trạng pháp lý của các cơ sở giáo dục đại học, lĩnh vực học tập, danh hiệu học thuật, đánh giá và công nhận. Điều luật này đã được sửa đổi nhiều lần và được bổ sung bởi các luật khác như đạo Luật 332/2005. Mục đích chính của việc sửa đổi gần đây nhất đối với đạo luật giáo dục đại học, Luật số 363/2007 của Bộ luật, là nâng cao tiêu chuẩn giáo dục đại học và các cơ sở giáo dục đại học. Hơn nữa, Slovakia đã áp

dụng giáo dục tại chức. Mỗi cơ sở giáo dục đại học được tự do quyết định loại hình giáo dục tại chức mình cung cấp.

Bộ Giáo dục, Khoa học, Nghiên cứu và Thể thao của Cộng hòa Slovak chịu trách nhiệm về chiến lược và chính sách liên quan đến hệ thống giáo dục. Bộ xác định nội dung chương trình giáo dục và chịu trách nhiệm về chính sách tài chính.

Tại Slovakia, giáo dục đại học được cung cấp thông qua một hệ thống thống nhất trong đó sự phân biệt giữa giáo dục đại học và giáo dục chuyên nghiệp thường không rõ ràng. Một số các chương trình có đặc điểm của cả giáo dục hướng nghiệp chuyên nghiệp và giáo dục đại học. Ví dụ như đào tạo giáo viên cho giáo dục tiểu học tại trường đại học.

Mặc dù giáo dục được cung cấp bằng tiếng Slovak, có một xu hướng dần dần hướng tới các chương trình dạy tiếng Anh trong giáo dục đại học do ảnh hưởng của Tiến trình Bologna. Slovakia cũng có trường phổ thông song ngữ (tiếng Pháp hoặc tiếng Hungary).

Giáo dục bắt buộc kéo dài 10 năm bắt đầu từ năm 6 tuổi. Không bắt buộc giáo dục mầm non (dành cho trẻ từ 3 đến 6 tuổi). Năm học bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 8 năm sau.

### ▪ **Giáo dục tiểu học và phổ thông**

Các trường được phân loại dựa trên bản chất và trình độ học vấn cung cấp.

*Materská škola* (trường mầm non hoặc mẫu giáo) cung cấp giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 6 tuổi. Hình thức giáo dục này tùy chọn. Các *predškolská výchova* (giáo dục mầm non) cũng có thể cung cấp giáo dục đặc biệt cho trẻ có nhu cầu cụ thể.

*Základné vzdelávanie* (giáo dục cơ bản và phổ thông) được cung cấp bởi *základná škola* (giáo dục cơ bản) kéo dài 9 năm và là giáo dục bắt buộc. Từ 6 tuổi, trẻ em có thể được nhận vào giáo dục cơ bản và phổ thông. Giai đoạn đầu tiên kéo dài 4 năm (lớp 1-4, tuổi từ 6-9) và giai đoạn thứ hai kéo dài 5 năm (lớp 5-9, tuổi từ 10-14)

Sau khi hoàn thành giai đoạn đầu tiên, học sinh có thể chuyển sang *Gymnázium* 8 năm hoặc giáo dục phổ thông (nghề). Học sinh cũng có thể chuyển tiếp trong giai đoạn thứ hai (lên đến năm thứ sáu) đến *Gymnázium* 6 năm. Sau khi hoàn thành chương trình tiểu học và trung học cơ sở, học sinh sẽ đạt được trình độ *základné*

*vzdelávanie*, hoặc trình độ giáo dục phổ thông. Học sinh chỉ được trao *Vysvedčenie*, hoặc báo cáo cuối cùng, đó không phải là bằng tốt nghiệp.

Sau khi hoàn thành *Gymnázium* và dự thi kỳ thi tốt nghiệp, học sinh được cấp *Vysvedination o maturitnej skúške* (dịch nghĩa là: bằng tốt nghiệp). Các học sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp gồm 4 môn học: bài kiểm tra vấn đáp hoặc viết tiếng Slovak và văn học, bài kiểm tra vấn đáp môn toán hoặc ngoại ngữ và thi vấn đáp với 2 môn tự chọn.

Các học sinh thường nhận được 31 giờ giảng dạy mỗi tuần. Mỗi văn bằng cho biết các kết quả cho mỗi môn học cũng như điểm trung bình cuối cùng (đa dạng từ 'được tốt nghiệp' đến 'xuất sắc'). Phía dưới cùng của trang luôn có một con dấu từ trường mà văn bằng được trao. *Vysvedination o maturitnej skúške* cũng được cấp bởi *Stredná odborná škola* hoặc *Stredné odborné učilište* (xem bên dưới). Vì vậy, điều quan trọng là phải kiểm tra bằng tốt nghiệp được cấp từ loại trường nào. Góc trên cùng bên trái của bằng tốt nghiệp sẽ nêu rõ bằng tốt nghiệp được cấp từ loại trường nào. Các *Vysvoice* kèm theo liệt kê môn học và điểm của học sinh.

## Giáo dục nghề phổ thông

Giáo dục nghề phổ thông được cung cấp tại *Stredná odborná škola* (trung học dạy nghề) hoặc *Stredné odborné učilište* (giáo dục trung học).

*Stredná odborná škola* (SOŠ) là các chương trình dạy nghề phổ thông chuẩn bị cho học sinh về nghề nghiệp trong quản lý, giáo dục, y tế, công nghệ, kinh tế, luật xã hội, hành chính hoặc nghệ thuật. Sau khi hoàn thành chương trình 4 năm, học sinh nhận được một *Vysvedination o maturitnej skúške* (bằng tốt nghiệp). Giáo dục được xây dựng trên giai đoạn đầu của giáo dục trung học cơ sở (9 năm học) và bắt đầu ở tuổi 15. Hầu hết các chương trình có thời gian danh nghĩa từ 2 đến 4 năm.

*Stredné odborné školy* dạy cả các môn học phổ thông (40%) và dạy các môn học nghề (60%). Kỳ thi tốt nghiệp kiểm tra kiến thức của hai môn học phổ thông và ba môn học nghề (thực hành và lý thuyết). Các *Vysvedination o maturitnej skúške* (giấy chứng nhận thi tốt nghiệp) cho phép tiếp cận kỳ thi tuyển sinh đại học.

Hầu hết các chương trình SOŠ đều có thời gian danh nghĩa là 4 năm, nhưng cũng có chương trình 2 và 3 năm, được hoàn thành bằng việc trao *Výučný List* (chứng

chỉ học nghề). Chương trình 4 năm là chương trình duy nhất khi hoàn thành được cấp *Vysvedčenie o maturitnej skúške*. Bằng tốt nghiệp này có giá trị pháp lý giống như *Vysvedčenie o maturitnej skúške* có được từ *Gymnázium* và được tiếp cận kỳ thi tuyển sinh đại học.

*Stredné odborné učilište* (trường dạy nghề phổ thông) đào tạo nghề theo 3 cấp:

- a. Trường *Učilište* (trường dạy nghề) cung cấp chương trình dạy nghề cho học sinh có ít hơn 9 năm giáo dục cơ bản. Chương trình kết thúc với việc trao *Vysvedčenie o záverečnej skúške* (chứng chỉ tốt nghiệp). *Vysvedčenie o záverečnej skúške* có được tại *Učilište* có thể so sánh với 2 hoặc 3 năm giáo dục phổ thông ở Hà Lan.
- b. Chương trình dạy nghề kéo dài từ 2 đến 3 năm, kết thúc bằng *záverečná skúška* (kỳ thi tốt nghiệp). Xét về mục tiêu và mức độ, những chương trình này tương đương với hệ thống đào tạo nghề cũ của Hà Lan chú trọng vào việc đào tạo nghề.
- c. Chương trình dạy nghề phổ thông với thời gian ít nhất là 4 năm, kết thúc bằng việc cấp *Vysvedčenie o maturitnej skúške* (chứng chỉ thi tốt nghiệp). Sau khi hoàn thành chương trình này, học sinh được tiếp cận kỳ thi tuyển sinh đại học. Các chương trình bao gồm cả lý thuyết và thực hành, thường kết hợp với thực tập. Các chương trình có thời hạn ít nhất là 4 năm, sau 9 năm học cơ bản. Sau khi hoàn thành, học sinh sẽ có đủ điều kiện để có chuyên môn kỹ thuật và nghề cụ thể và các vị trí yêu cầu một trình độ chuyên môn cao. Ngoài *Vysvedčenie o maturitnej skúške*, học sinh cũng được cấp *Výučný List* (chứng chỉ học nghề).

Chương trình 4 năm tại *Stredné odborné učilište* là chương trình duy nhất được hoàn thành bằng cách lấy *Vysvedčenie o maturitnej skúške*. Bằng cấp này có cùng hiệu lực pháp lý như *Vysvedčenie o maturitnej skúške* đạt được tại *Gymnázium* và được dự thi kỳ thi tuyển sinh đại học.

## Giáo dục nghệ thuật

Các trường âm nhạc (*Konzervatórium*) cung cấp một loại hình đào tạo nghề cụ thể. Trường âm nhạc giảng dạy các chương trình âm nhạc, ca hát, khiêu vũ và sân



khẩu và thường kéo dài trong 6 năm. Các chương trình mùa có thời gian 8 năm. Các chương trình này kết thúc bằng việc cấp *Vysvedeton o maturitnej skúške* (bằng tốt nghiệp) hoặc *Vysvedittings o absolventskej skúške* cùng với bằng Absolvenký. Sau khi hoàn thành, sinh viên sẽ được tiếp cận các kỳ thi tuyển sinh đại học. Xem thông tin ở phần Giáo dục sau trung học phổ thông

### **Giáo dục sau trung học phổ thông**

Giáo dục sau trung học phổ thông được cung cấp ở các trường dạy nghề/ chương trình nghề (*Vyššia odborná škola*). Các chương trình này không phải là một phần của hệ thống giáo dục đại học. Học sinh vào các trường này khoảng năm 19 tuổi. Các trường cung cấp các chương trình dạy nghề kéo dài từ 2 đến 3 năm, ví dụ như các chương trình tập trung vào chăm sóc sức khỏe (3 năm). Các trường âm nhạc cũng cung cấp các chương trình ở cấp độ này với một thời gian danh nghĩa là 2 năm, trong đó học sinh có thể chọn tập trung vào ca hát, chơi nhạc cụ hay khiêu vũ.

Các trường trung học cung cấp các chương trình chuyên nghiệp nâng cao 3 năm ở cấp độ giáo dục sau trung học. Các chương trình này bao gồm chủ yếu về đào tạo kỹ năng thực tế. Có các chương trình học về tài chính, tin học, du lịch, quản lý và kinh doanh, kỹ thuật điện, công tác xã hội, quản lý, kỹ thuật cơ khí, y tá, lâm nghiệp và du lịch nông thôn.

Chương trình giảng dạy đã được soạn thảo với sự hợp tác chặt chẽ với các cơ sở đào tạo nghề của EU để đảm bảo sự đáp ứng với thị trường lao động châu Âu. Sinh viên tốt nghiệp tham dự kỳ thi tốt nghiệp và được cấp bằng *Absolventský* và *Vysvedosed o absolventskej skúške*.

#### **▪ Nhập học đại học**

Việc nhập học vào các chương trình học tại các cơ sở giáo dục đại học Slovakia đòi hỏi phải có *Vysvedeton o maturitnej skúške* và kỳ thi đầu vào. Về lý thuyết, điều này có thể có được tại *Gymnázium*, *Stredná odborná škola* hoặc ngay cả *Stredné odborné učilište*. Tuy nhiên, trên thực tiễn học sinh *Gymnázium* sẽ được học dự bị đại học, và do đó sẽ được chuẩn bị tốt hơn cho kỳ thi tuyển sinh đại học của khoa.

## ▪ Giáo dục đại học

Giáo dục đại học được cung cấp tại *Vysoké školy*, tên gọi chung cho các trường đại học, học viện và các cơ sở giáo dục đại học phi đại học. Các trường đại học cung cấp tất cả các loại chương trình được công nhận (Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ), các cơ sở giáo dục đại học phi đại học chủ yếu cung cấp chương trình cử nhân được công nhận. Họ cũng có thể cung cấp các chương trình được công nhận ở cấp bậc thạc sĩ. *Vysoká škola* có nghĩa là "trường đại học khoa học ứng dụng", và tất cả các cơ sở này có vị thế học thuật.

Một số lượng lớn các trường đại học và cơ sở đại học phi đại học cung cấp giáo dục kết hợp học thuật và giáo dục nghề chuyên nghiệp. Không có sự phân biệt nghiêm ngặt giữa giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục đại học giống như ở Hà Lan.

Hiện nay, có 20 *Verejné vysoké školy* (các cơ sở giáo dục đại học công lập) ở Slovakia. Ngoài ra còn có 3 *Štátne vysoké školy* (cơ sở giáo dục đại học của nhà nước); bao gồm các học viện quân sự và đào tạo chăm sóc sức khỏe. Năm 1999, cơ sở giáo dục đại học tư thục đầu tiên (*Súkromné vysoké školy*) được thành lập, đến nay Slovakia đã có 13 cơ sở giáo dục đại học tư thục. Các cơ sở này cung cấp các chương trình quản trị, kinh tế, an toàn và chăm sóc sức khỏe. Cuối cùng, cũng có 4 cơ sở nước ngoài (Séc) ở Slovakia, *Zahranicné vysoké školy* (cơ sở giáo dục đại học nước ngoài hoặc quốc tế).

Giáo dục chuyên nghiệp được cung cấp trong giáo dục nghệ thuật, đào tạo chuyên môn về y tế và trong các chương trình nghề phổ thông khác. Các chương trình này được mô tả tốt nhất là các nghiên cứu chuyên ngành. Để biết thêm thông tin, xem trong ‘**Giáo dục sau trung học**’.

## ▪ Giáo dục tại các trường đại học

Giáo dục tại các trường đại học được quy định bởi đạo luật giáo dục đại học, Đạo luật số 172/1990. Đạo luật này đã tạo điều kiện cho sự đa dạng trong tính chất và các loại hình giáo dục đại học được cung cấp, vì chương trình học sau cho thấy:

- Con người và xã hội: bao gồm một loạt các chương trình về Y học, Thú y, Dược, Triết học, Luật, Đào tạo giáo viên, Kinh tế và Thần học;

- Kỹ thuật dân dụng, Cơ khí, Hóa chất, Kỹ thuật Điện và tin học, Giao thông vận tải và viễn thông, kỹ thuật khai khoáng, Luyện kim;
- Lâm nghiệp, Nông nghiệp, Chế biến gỗ và công nghiệp chế biến gỗ và ngành nông nghiệp; Kinh tế, Quản lý, Kinh doanh;
- Các chương trình đào tạo giáo viên: Khoa sư phạm đào tạo giáo viên tập trung các lĩnh vực trong giáo dục tiểu học và trung học cơ sở;
- Trường dạy nghệ thuật cung cấp cả chương trình lý thuyết và thực tiễn trong âm nhạc, khiêu vũ, phim ảnh và kịch, kiến trúc và điêu khắc.

Đạo luật mới về giáo dục đại học (được thông qua vào tháng 4 năm 2002), Đạo luật số 131/2002, đã coi việc thực hiện cải cách giáo dục đại học như một phần của Tiến trình Bologna. Hệ thống bằng cử nhân và thạc sĩ đã được áp dụng, và các cơ sở buộc phải áp dụng Hệ thống Chuyển đổi Tín chỉ Châu Âu (ECTS) (thường là 60 ECTS mỗi năm học). Các chương trình học tập được cung cấp ở các mức độ sau:

- Bakalár (Bc.) Với thời gian danh nghĩa từ 3 đến 4 năm
- Magister (Mgr.) / Inžinier với thời gian danh nghĩa từ 1 đến 3 năm
- Doktor (PhD) với thời gian danh nghĩa từ 3 đến 4 năm (5 năm tại chức)

Sau khi hoàn thành chương trình thạc sĩ về chuyên môn kỹ thuật, học sinh đạt được trình độ học thuật *Inžinier* (Ing.), hoặc *inžinier architekt* (Ing.arch.) sau khi hoàn thành các chương trình kiến trúc hoặc thiết kế. Sau khi có bằng thạc sĩ về y học, sinh viên được trao bằng *doktor všeobecného lekárstva* (MUDr.) và sau khi có bằng thạc sĩ nha khoa sinh viên y khoa được cấp bằng *doktor zubného lekárstva* (MDDr.). Sinh viên ngành thú y có được bằng bác sĩ điều trị (*veterinárskeho lekárstva*) (MVDr.).

Sau khi hoàn thành một nghiên cứu tiến sĩ, học sinh được cấp bằng *doktor 'Tieň sť triet hoc'* (PhD.).

### **Giáo dục đại học (Vysoké školy)**

*Vysoké školy* cung cấp các chương trình học tập trong 3 giai đoạn:

- *Bakalár* (cử nhân);
- *Magister/inžinier/doktor lekárstva* (Thạc sĩ)
- *Doktor* (chương trình tiến sĩ), nối tiếp chương trình thạc sĩ.

Các nghiên cứu tiến sĩ thường kéo dài từ 3 đến 4 năm và tập trung vào nghiên cứu khoa học.

Tất cả 3 loại hình học tập học sinh có thể đăng ký học toàn thời gian, tại chức hoặc từ xa.

### **Cử nhân**

Các chương trình dự bị Cử nhân đã xuất hiện kể từ năm học 2002. Trước năm 2002, sinh viên có thể tham dự Chương trình Thạc sĩ 5 năm. Các chương trình *Bakalár* (của cử nhân) chuẩn bị học sinh chuyên môn nghề và cho phép học viên có thể tiếp cận chương trình thạc sĩ. Yêu cầu nhập học là *Vysvedination o maturitnej skúške*. Thời gian danh nghĩa của chương trình là 3 đến 4 năm (6-8 học kỳ). Trong hầu hết các trường hợp, việc học kết thúc với một kỳ thi quốc gia và một bài khóa luận. Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên được trao bằng *Diplom* và được quyền sử dụng danh hiệu học thuật *Bakalár* (Bc.).

### **Thạc sĩ**

Các chương trình thạc sĩ nhằm mục đích đạt được và tăng cường kiến thức lý thuyết thông qua nghiên cứu khoa học và được thực hiện sau khi hoàn thành Chương trình Cử nhân. Thời gian danh nghĩa của chương trình là từ 1 đến 3 năm. Sinh viên cũng có thể lựa chọn giáo dục nghệ thuật ở cấp độ Thạc sĩ.

### **Thạc sĩ (ngắn hạn)**

Vào năm 2002 cũng có các chương trình đào tạo ngắn hạn giúp học viên có được bằng Thạc sĩ, xây dựng trên các chương trình Cử nhân, và có thời gian danh nghĩa từ 1 đến 3 năm. Trình độ cuối cùng đạt được trong các chương trình này về cơ bản là giống như Chương trình Thạc sĩ dài hạn. Sinh viên phải có bằng tốt nghiệp Cử nhân để được theo học. Các sinh viên kết thúc chương trình với kỳ thi quốc gia và bảo vệ khóa luận. Sau khi hoàn thành chương trình, họ được trao bằng *Diplom* và có quyền sử dụng danh hiệu Thạc sĩ (Mgr.).

### **Thạc sĩ (dài hạn)**

Các chương trình thạc sĩ dài hơn có thời gian danh nghĩa từ 5 đến 6 năm. Nhóm này bao gồm một số chương trình học về y tế, chẳng hạn như trong dược phẩm, thú y, y đa khoa và nha khoa.

## Giáo dục sau đại học

Tất cả các kỳ thi thạc sĩ cuối cùng của trường đại học cho phép học viên tiếp cận với đào tạo tiến sĩ, ngoại trừ các chương trình Cử nhân. Để đủ điều kiện học tiến sĩ, thí sinh phải vượt qua kỳ thi tuyển sinh. Thời gian nghiên cứu tiến sĩ là 3 đến 4 năm (5 năm khi học trên cơ sở bán thời gian). Các thí sinh dự thi kỳ thi quốc gia và viết luận án tiến sĩ, và khi kết thúc thành công nhận bằng tiến sĩ Doktor (viết tắt là PhD) và trong chương trình nghiên cứu tiến sĩ khoa học nghệ thuật, bằng Doktor umenia (viết tắt là ArtD.); một ngoại lệ đối với quy tắc này là bằng thần học công giáo (ThLic - licenciát teológie) được trao sau khi hoàn thành một phần đầu tiên của nghiên cứu tiến sĩ trong lĩnh vực thần học công giáo. Danh hiệu học thuật được sử dụng theo tên.

Xin lưu ý rằng Đạo luật Giáo dục Đại học số 131/2002 quy định rằng các chương trình tiến sĩ có thể được hoàn thành ở cả hai cơ sở giáo dục đại học (*Vysoké školy*) và các cơ sở giáo dục đại học phi đại học.

### ▪ Hệ thống đánh giá

Hệ thống giáo dục Slovak áp dụng 2 hệ thống đánh giá: một cho hệ thống giáo dục phổ thông và một cho hệ thống giáo dục đại học.

#### Giáo dục phổ thông:

Description	Meaning
Výborný A (1)	Excellent/Outstanding
Vel'mi dobrý – B (1,5)	Very good
Dobrý – C (2)	Good
Uspokojivý -D (2,5)	Satisfactory
Dostatočný – E (3)	Sufficient
Nevyhovel -FX	Fail

Đánh giá cuối cùng về *Vysvedčenie o maturitnej skúške* có thể là: *Prospela* (tốt nghiệp), *Prospela s vyznamenaním* (tốt nghiệp với bằng danh dự) hoặc *Prospela vel'mi* (tốt nghiệp với bằng xuất sắc). Đánh giá cuối cùng này là phổ biến nhất ở văn bằng cũ.

## Giáo dục đại học:

Description	Meaning
Výborný A (1)	Excellent/Outstanding
Vel'mi dobrý – B (1,5)	Very good
Dobrý – C (2)	Good
Uspokojivý -D (2,5)	Satisfactory
Dostatočný – E (3)	Sufficient
Nevyhovel -FX	Fail

*Vysvedčenie o štátnej skúške* (Báo cáo Kỳ thi Quốc gia) và *Dodatok k diplomu* (Phụ lục văn bằng) kèm theo Diplom cho biết kết quả đạt được cho các môn học chính và bài khóa luận và kết quả cuối cùng. Trong một số trường hợp, dịch giả hoặc trường học chuyển các đánh giá trên thành một điểm cho mỗi môn học (phù hợp với hệ thống đánh giá Hoa Kỳ, hoặc ECTS), ví dụ: *Výborný* đại diện cho loại A, trong khi *Dobrý* đại diện cho loại điểm C.

Phần lớn các cơ sở giáo dục áp dụng Hệ thống Chuyển đổi Tín chỉ châu Âu (ECTS). Một năm bao gồm 60 tín chỉ, một kỳ bao gồm 30 tín chỉ. Thông tin chi tiết về ECTS có trong Hướng dẫn sử dụng ECTS xuất bản bởi Ủy ban Châu Âu.

Thông tin về giá trị điểm nước ngoài có trên trang web (chỉ có tiếng Hà Lan).

### ▪ Tiến trình Bologna

Tất cả các cơ sở giáo dục đại học ở Slovakia đều chấp nhận cấu trúc bằng thạc sĩ - cử nhân. Một số chương trình vẫn được cung cấp dưới dạng chương trình 5- hoặc 6 năm liên tục, chẳng hạn như các chương trình y khoa, thú y và dược (kỳ thi đầu vào là *Vysvedeton o maturitnej skúške*).

Thông tin về tình hình hiện tại có thể được tìm thấy trên trang [web](#) chính thức của Khu vực Giáo dục Đại học châu Âu (EHEA).

### ▪ Khung trình độ

Năm 2005, khung Bologna (khung bao quát về trình độ của Khu vực giáo dục đại học Châu Âu) đã được thông qua. Xây dựng một Khung Trình độ Quốc gia hoàn chỉnh, bao gồm trình độ giáo dục phi đại học vẫn đang được tiến hành.

## ▪ **Bảo đảm và công nhận chất lượng**

Tại Slovakia, việc kiểm định được thực hiện bởi một ủy ban kiểm định đặc biệt, *Akreditacná komisia*. Ủy ban này đánh giá các yêu cầu cho việc công nhận các chương trình và cũng tham gia vào quá trình chỉ định. Ủy ban quyết định xem từng cơ sở có thể hoặc không thể được phân loại là các trường đại học và các cơ sở tư thục có đủ điều kiện để được quốc gia công nhận hay không. Các đánh giá và khuyến nghị của Ủy ban được trình lên Bộ để phê duyệt.

Thông tin chi tiết về ủy ban có trên trang web của họ, xem trong phần liên kết hữu ích.

## ▪ **Các hiệp ước quốc tế**

Slovakia đã ký Công ước Lisbon vào năm 1997 và phê chuẩn nó vào năm 1999. Cộng hòa Slovak duy trì các thoả thuận song phương với các quốc gia khác nhau, bao gồm Cộng hòa Séc, Ba Lan, Hungary, Romania và Croatia.

Ngoài ra, Cộng hoà Slôven đã ký kết các hiệp ước sau đây:

- Công ước về công nhận các nghiên cứu;
- Văn bằng và Bằng cấp liên quan đến Giáo dục Đại học ở các quốc gia thuộc Châu Âu;
- Nghị định thư của Công ước châu Âu về sự tương đương của các văn bằng để được Nhập học vào các trường đại học CETS số: 049;
- Công ước châu Âu về công nhận văn bằng của các bằng cấp đại học CETS Số: 032;
- Công ước châu Âu về sự tương đương của các giai đoạn học tập của trường đại học, CETS Số: 021.

Công nhận giáo dục ở các quốc gia có thoả thuận song phương cũng có tại: [www.minedu.sk/pravne-predpisy-dolezite-dokumenty-a-publikacie](http://www.minedu.sk/pravne-predpisy-dolezite-dokumenty-a-publikacie)

## ▪ **Phụ lục văn bằng**

Một số lượng ngày càng tăng các cơ sở giáo dục Slovakia đang cấp phụ lục văn bằng để làm rõ nội dung và đánh giá các chương trình học tập. Một số các cơ sở đã

phát triển dạng riêng của họ, trong khi các cơ sở khác sử dụng mẫu phụ lục văn bằng Châu Âu.

Thông tin chi tiết về Phụ lục văn bằng có trên trang mạng của Ủy ban Châu Âu: [http://ec.europa.eu/education/lifelong-learning-policy/doc1239\\_en.htm](http://ec.europa.eu/education/lifelong-learning-policy/doc1239_en.htm)

### ▪ Thành phần hồ sơ

Hồ sơ giáo dục trung học hoàn chỉnh gồm có bằng tốt nghiệp (*Vysvedination o maturitnej skúške / Vysvedosed o záverecnej skúške*). Thông tin bổ sung có thể được tìm thấy trong báo cáo hàng năm, cũng bao gồm bảng điểm và danh sách bậc hạng. Văn bằng cho thấy kết quả mỗi môn học và kết quả trung bình cuối cùng (thay đổi từ loại bằng trung bình sang loại xuất sắc). Ở phía giữa của phần phía dưới trang luôn có một con tem từ trường đã cấp bằng tốt nghiệp, trong khi góc trên bên trái của bằng tốt nghiệp quy định cụ thể loại trường học đã ban hành văn bản. Báo cáo thường niên kèm theo (*Vysvoice*) cung cấp tổng quan về các môn học khác nhau (và các loại bậc liên quan). Trong nhiều trường hợp, Phụ lục văn bằng do cơ sở này soạn thảo cũng sẽ được kèm theo.

Một tập hồ sơ giáo dục đại học hoàn chỉnh bao gồm một văn bằng Diplom, *Vysvedittings o štátnej šzverecnej skúške* và trong một số trường hợp một sổ ghi chép (*Výkaz o štúdiu na vysokej škole*).

### ▪ Danh sách các cơ sở giáo dục đại học

[www.uips.sk/sub/uips.sk/images/MK/web\\_vs\\_podla\\_nazvu.pdf](http://www.uips.sk/sub/uips.sk/images/MK/web_vs_podla_nazvu.pdf)

[www.uips.sk/sub/uips.sk/images/MK/web\\_vs\\_podla\\_datumu\\_vzniku.pdf](http://www.uips.sk/sub/uips.sk/images/MK/web_vs_podla_datumu_vzniku.pdf)

Các trang web của Bộ Giáo dục, bao gồm một danh sách đầy đủ về các cơ sở giáo dục đại học.

### ▪ Liên kết hữu ích

- <http://www.enic-naric.net/slovak-republic.aspx> Trang web về Slovakia trên ENIC/NARIC
- <http://www.minedu.sk/about-the-ministry> Trang web của Bộ Giáo dục, Khoa học, Nghiên cứu và Thể thao.



- <http://www.srk.sk/> Trang web của *Slovenská Rektorská Konferencia*, Hiệp hội Các cơ sở Giáo dục Đại học Slovakia.
- [www.portalvs.sk/en](http://www.portalvs.sk/en) Cổng Giáo dục Đại học (được cung cấp tài chính bởi Bộ Giáo dục) với thông tin đặc biệt và chi tiết,
- <http://www.studyin.sk/> Thông tin về Giáo dục Đại học tại Slovakia bằng tiếng Anh.
- <http://www.akredkom.sk/en/> Trang web của Hội đồng Công nhận Slovakia (*Akreditačná komisia*).